TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2022/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 29 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 27/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Tuyết N, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn 5 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Bị đơn: Anh Lê Ngọc V, sinh năm 1985

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Việt A, sinh ngày 12/3/2012

Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện hợp pháp cho cháu Việt A: Anh Lê Ngọc V và chị Hoàng Thị Tuyết N là bố, mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị Tuyết N và anh Lê Ngọc V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Tuyết N và anh Lê Ngọc V đều nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị N và anh V đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 12/3/2012. Hiện nay cháu Việt A đang ở cùng với anh V. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Việt A kể từ tháng 10/2022 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh V số tiền là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 10/2022 đến khi cháu Việt A đủ 18 tuổi.

Chị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh V có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị N không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung, công sức,công nợ, ruộng cấy:* Anh, chị đều xác định không có nên không đề nghị Toà án giải quyết;

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Hoàng Thị Tuyết N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2021/0004574 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H
Giấy CNKH số 19 ngày 21/02/2011;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh N